| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 02 – 2023
*Về việc xin ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Thanh Liêm.
- Ông Hà Trọng Tâm.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 678/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị D, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T chung sống vợ chồng vào năm 2004, đến ngày 21/3/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi nhậu về chửi vợ con, có lần đánh chị, sự việc diễn ra thường xuyên chị không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân từ năm 2022. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2006; Dương Khả V, sinh ngày 29/12/2015, hiện đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại biên bản ghi lời tự khai, được bổ sung tại phiên tòa anh Dương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Quá trình chung sống theo anh cũng có mâu thuẫn, anh thừa nhận có sai và hứa khắc phục sửa chữa, anh còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2006; Dương Khả V, sinh ngày 29/12/2015, hiện đang sống cùng chị D. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị D, anh Dương Văn T chung sống vợ chồng vào năm 2004, đến ngày 21/3/2013 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Trong quá trình chung sống theo chị D xác định thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi nhậu về chửi vợ con, có lần đánh chị, sự việc diễn ra thường xuyên chị không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân từ năm 2022. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T. Đối với anh T xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn, anh thừa nhận có sai và hứa khắc phục sửa chữa, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy: Anh T chị D có thời gian dài xảy ra mâu thuẫn, hiện tại không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng, điều này thể hiện đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắng vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị được ly hôn anh T.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Dương Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2006; Dương Khả V, sinh ngày 29/12/2015, hiện 02 cháu đang sống với chị D. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất giao 02 cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng 02 cháu và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu N và V cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị D, anh T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị D về việc xin ly hôn anh Dương Văn T.
- Về con chung: Giao 02 cháu Dương Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2006; Dương Khả V, sinh ngày 29/12/2015 cho chị Huỳnh Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Huỳnh Thị D phải chịu 300.000đ. Ngày 30 tháng 11 năm 2022, chị D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002544 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
**Lê Thị Thu**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Xuyên, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.